

Bản án số: 400/2025/DS-ST

Ngày: 04/4/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Luân

2. Bà Nguyễn Thị Nhơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Hà là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Minh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1098/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-DS ngày 11/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-DS ngày 05/3/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh Nhật (giấy ủy quyền số 1931/UQ-QLN.24 ngày 23/12/2024).

Địa chỉ: Đường T Cách Mạng Tháng Tám, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Bùi N, sinh năm 1971

HKTT: Đường X, Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ nơi làm việc: Đường X, Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi là Ngân hàng) trình bày: Ngân hàng cấp tín dụng cho ông Bùi N theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân của

ông Bùi N ký ngày 07/5/2021. Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB, các văn bản khác của ông Bùi N ký với ACB về việc sử dụng thẻ tín dụng, theo đó, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng số 3567950000494711 ngày 25/5/2021, loại thẻ JCB Gold, hạn mức thẻ 50.000.000 đồng, hiệu lực thẻ 25/5/2024, lãi suất, phí theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB – là một phần không thể tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Theo quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng thì “Mức lãi suất, phí và cách tính lãi được quy định chi tiết tại Biểu lãi suất và phí do ACB phát hành trong từng thời kỳ. Biểu lãi suất và phí là một phần không thể tách rời của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng. ACB có thể thay đổi Biểu lãi suất và phí trong quá trình sử dụng thẻ của Chủ thẻ”. Từ ngày 07/5/2021 đến trước ngày chuyển nợ quá hạn 03/6/2022 thì lãi suất trong hạn 25%/năm. Lãi suất quá hạn $150\% \times 25\%/năm = 37,5\%/năm$, áp dụng từ ngày chuyển nợ quá hạn 03/6/2022 đến ngày thay đổi lãi suất 14/7/2023. Từ ngày thay đổi lãi suất 14/7/2023 lãi suất trong hạn là 28%/năm, lãi suất quá hạn $150\% \times 28\%/năm = 42,0\%/năm$, áp dụng từ ngày thay đổi lãi suất cho đến nay. Các khoản phí phát sinh gồm: Phí thường niên, phí rút tiền mặt, phí không thanh toán số tiền thanh toán tối thiểu, phí in (cấp) PIN, phí SMS banking (thông báo qua tin nhắn), phí mất (thất lạc) thẻ (đính kèm Biểu lãi suất và phí).

Ông Bùi N đã sử dụng thẻ tín dụng với tổng số tiền là 59.300.000 đồng, trong đó, giao dịch thanh toán bằng thẻ là 53.500.000 đồng, giao dịch rút tiền mặt 5.800.000 đồng và đã thanh toán cho ACB số tiền tổng cộng là 15.130.803 đồng. Kể từ ngày chuyển nợ quá hạn 03/6/2022 đến nay, ông N không thanh toán cho ACB khoản tiền nào.

Do ông N đã nhiều lần không thanh toán đầy đủ cho ACB theo Thông báo giao dịch hàng tháng, vì vậy Ngày 03/6/2022, ACB chuyển toàn bộ khoản nợ thẻ sang nợ quá hạn, đồng thời chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ dư nợ thẻ chưa thanh toán của ông N. Cùng ngày, ACB ra thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng nêu trên. Tính đến ngày 04/4/2025, ông N còn nợ ACB tổng số tiền là 111.329.707 đồng, trong đó, nợ gốc là 53.796.998 đồng, lãi quá hạn là 57.532.709 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Bùi N thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 04/4/2025 là 111.329.707 đồng, trong đó, nợ gốc là 53.796.998 đồng, lãi quá hạn là 57.532.709 đồng và ông N còn phải chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ và Bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ kể từ ngày 05/4/2025 cho đến ngày trả hết nợ.

[2] Bị đơn là ông Bùi N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa án, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, ngoại trừ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã

chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng cụ thể xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thực hiện đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181, Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh Nhật có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Bùi N đã được Tòa án triệu tập họp lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 04/4/2025 là 111.329.707 đồng trong đó vốn gốc là 53.796.998 đồng, lãi quá hạn là 57.532.709 đồng và ông N còn phải chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân, Bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ tín dụng kể từ ngày 05/4/2025 cho đến ngày ông N trả dứt nợ, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 07/5/2021, có cơ sở xác định nguyên đơn có cấp cho bị đơn thẻ tín dụng số 3567950000494711 ngày 25/5/2021, loại thẻ JCB Gold, hạn mức thẻ 50.000.000 đồng, lãi suất và phí theo Bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ tín dụng. Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 07/5/2021 đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định tại Điều 117, Điều 401 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, các bên tham gia hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết.

Trong quá trình sử dụng thẻ, căn cứ bảng diễn giải chi tiết quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch thanh toán bằng thẻ số tiền là 53.500.000 đồng, giao dịch rút tiền mặt là 5.800.000 đồng, tuy nhiên, bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc là 53.796.998 đồng, lãi quá hạn là 57.532.709 đồng là vi phạm Điều 9 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, do đó, ngày 24/9/2020, nguyên đơn đã ra thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn là phù hợp với quy định tại Điều 10 Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP A. Căn cứ Điều 466 bộ luật dân sự 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ tính đến ngày 04/4/2025 là 111.329.707 đồng, trong đó, vốn gốc là 53.796.998 đồng, lãi quá hạn là 57.532.709 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và bị đơn còn phải chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân, Bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ kể từ ngày 05/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.566.485 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP A.

Buộc ông Bùi N phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền còn nợ tính đến ngày 04/4/2025 là 111.329.707 đồng, trong đó, vốn gốc là 53.796.998 đồng, lãi quá hạn là 57.532.709 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 05/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Bùi N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 07/5/2021 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP A.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi N phải chịu là 5.566.485 đồng.

Hoàn cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí 2.091.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0023863 ngày 23/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP A và ông Bùi N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vương Thị Lan Phương